

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **07/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 04 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh

2. Bà Cao Thị Hồng Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cư Mgar

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 28/02/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị D ; sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Phương T ; sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn J, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI D VU ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức Phương T quen biết tìm hiểu được khoảng hai năm thì tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn EaPôk, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/12/1998. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, ông T không chung thủy trong hôn nhân. Tháng 4/2018 bà D đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng chung sống nhưng hơn một năm nay hai vợ chồng không chung sống với nhau nữa, không tìm được tiếng nói chung, Nay

xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau nữa, nguyện vọng của bà Ngô Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Đức Phương T .

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Đức Phương T có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 05/06/1998 và cháu Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 18/03/2006. Nguyện vọng của bà D xin được nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Nguyễn Đức Phương T phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu T1 đã trưởng thành, có việc làm nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đức Phương T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp vắng ông T và không hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị D . Bà Ngô Thị D được ly hôn ông Nguyễn Đức Phương T .

Về con chung: Chấp nhận nguyện vọng của bà Ngô Thị D, giao con chung cháu Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 18/03/2006 cho bà D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền Tòa án:

Bà Ngô Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức Phương T nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Ông Nguyễn Đức Phương T hiện nay đang cư trú tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Đức Phương T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Đức Phương T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn EaPôk, huyện CuMgar, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Đức Phương T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông T không chung thủy. Nếu ông T là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì mâu thuẫn sẽ được khắc phục kịp thời, vợ chồng có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, ông T không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như vậy, hôn nhân của bà D và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn bà Ngô Thị D, cho bà Ngô Thị D được ly hôn ông Nguyễn Đức Phương T.

[4] Về con chung: Bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Đức Phương T có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 05/06/1998 và cháu Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 18/03/2006. Đối với cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 05/06/1998 hiện nay đã đủ 18 tuổi, hiện nay cháu T1 phát triển bình thường, có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 18/03/2006 hiện nay đang ở với bà D nuôi dưỡng và đi học. Trên cơ sở nguyện vọng của cháu T2 cũng như của bà D giao con chung là cháu Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 18/03/2006 cho bà D nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà Ngô Thị D không yêu cầu ông Nguyễn Đức Phương T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bà Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D .

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị D được ly hôn ông Nguyễn Đức Phương T

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 18/03/2006 cho bà Ngô Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Ngô Thị D đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0004280 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- UBND thị trấn EaPôk, huyện Cư Mgar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu